

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2021/HS-PT

Ngày: 14/4/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;
Ông Vũ Minh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 14 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 601/2020/TLPT-HS ngày 10 tháng 8 năm 2020 do có kháng cáo của bị cáo Triệu Thị N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2020/HS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ tên: **Triệu Thị N** sinh ngày 22/12/1968 tại tỉnh T; Nơi ĐKKHKT: Thôn N2, xã N1, huyện C, tỉnh B; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Lớp 03/10; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Triệu Hữu B3 và bà Triệu Thị K1 (đều đã chết); Có chồng là Đặng Như T2, sinh năm 1969, Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1990, con nhỏ nhất sinh năm 1993; Tiền án, tiền sự: Không, Có mặt tại phiên tòa.

**** Người bào chữa cho bị cáo Triệu Thị N:*** Luật sư Trần Quốc T1 – Văn phòng luật sư Trần Quốc T1 thuộc Đoàn luật sư thành phố H; Có mặt.

**** Người bị hại:*** Ông Ma Phúc K sinh năm 1960; Trú tại: Thôn B1, xã B2, huyện C, tỉnh B; Vắng mặt.

**** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Triệu Thị L sinh năm 1966; Trú tại: Thôn N2, xã N1, huyện C, tỉnh B; Có mặt.

2. Bà Triệu Thị T3 sinh năm 1975; Trú tại: Thôn N2, xã N1, huyện C,

tỉnh B; Có mặt.

3. Ông Đặng Nho T4 sinh năm 1991; Trú tại: Thôn N2, xã N1, huyện C, tỉnh B; Có mặt.

4. Bà Triệu Thị S sinh năm 1983; Trú tại: Thôn N2, xã N1, huyện C, tỉnh B; Có mặt.

5. Bà Đặng Thị L1 sinh năm: 1979; Trú tại: Thôn N2, xã N1, huyện C, tỉnh B; Vắng mặt.

6. Ông Đặng Nguyên D sinh năm 1986; Trú tại: Thôn N2, xã N1, huyện C, tỉnh B; Có mặt.

7. Ông Đặng Nho T5 sinh năm 1990; Trú tại: Thôn N2, xã N1, huyện C, tỉnh B; Có mặt.

*** Người làm chứng:**

1. Ông Dương Văn T6 sinh năm 1981; Trú tại: Thôn N3, xã N1, huyện C, tỉnh B. Công tác tại Trung tâm văn hóa, thể thao và truyền thông huyện C; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Hà Sỹ Huân sinh năm 1983; Trú tại: Thôn B4, xã N1, huyện C, tỉnh B. Công tác tại Công an xã N1, huyện C; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ông Ngô Văn T7 sinh năm 1973; Trú tại: Ban Chỉ huy quân sự huyện C, tỉnh B. Địa chỉ: Tổ 1, thị trấn Đ1, huyện C, tỉnh B; Có mặt.

4. Ông Lâu Văn Đ sinh năm 1995; Trú tại: Công an huyện C, tỉnh B, có địa chỉ tại tổ 7, Thị trấn Đ1, huyện C, tỉnh B; Có mặt.

5. Ông Trần Tiến Đ2 sinh năm 1985; Trú tại: Công an huyện C, tỉnh B, có địa chỉ tại tổ 7, Thị trấn Đ1, huyện C, tỉnh B; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Việt H1 sinh năm 1976; Trú tại: Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh B. Địa chỉ: Tổ 16, phường M, thành phố B, tỉnh B; Vắng mặt.

7. Ông Nông Trường G sinh năm 1986; Trú tại: Thôn N4, xã Y, huyện C, tỉnh B. Công tác tại Trung tâm văn hóa, thể thao và truyền thông huyện C; Vắng mặt.

8. Ông Nguyễn Quang Đ3 sinh năm 1979; Trú tại: Tổ 8, phường S1, thành phố B, tỉnh B. Công tác tại Phòng An ninh đối nội Công an tỉnh B; Có mặt.

9. Bà Triệu Thị D1 sinh năm 1972; Trú tại: Thôn N2, xã N1, huyện C, tỉnh B; Có mặt.

10. Bà Triệu Thị L1 sinh năm 1980; Trú tại: Thôn N2, xã N1, huyện C, tỉnh B; Có mặt.

11. Bà Hoàng Thị N5 sinh năm 1989; Trú tại: Thôn N2, xã N1, huyện C, tỉnh B; Có mặt.

12. Bà Triệu Thị V sinh năm 1986; Trú tại: Thôn N2, xã N1, huyện C, tỉnh B; Có mặt.

13. Bà Triệu Thị T8 sinh năm 1978; Trú tại: Thôn N2, xã N1, huyện C, tỉnh B; Có mặt.

14. Bà Triệu Thị K2; Trú tại: Thôn N2, xã N1, huyện C, tỉnh B; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 18/5/2019, Đặng Nguyên M1 sinh năm 1964, trú tại thôn N2, xã N1, huyện C, tỉnh B là Phó trưởng thôn N2 đã gõ kèng thông báo để triệu tập người dân thôn N2 tập trung tại Hội trường thôn để họp bàn công việc của thôn, sau đó bàn về việc giải quyết tranh chấp đất với thôn B1, xã B2. Quá trình họp thôn, Đặng Nguyên M1 đã kêu gọi và thống nhất với người dân trong thôn là sáng ngày 19/5/2019 người dân trong thôn tập trung, mang theo nước uống để nhổ cây keo mới trồng của gia đình ông Ma Phúc K, trú tại thôn B1, xã B2.

Đến khoảng 07 giờ 30 phút ngày 19/5/2019, Đặng Nguyên M1 gõ kèng triệu tập được khoảng 60 người dân thôn N2, xã N1 mang theo nước uống, như đã thống nhất tại buổi họp thôn ngày 18/5/2019. Tại đây, Đặng Nguyên M1 lấy bài phát biểu do M1 tự chuẩn bị từ trước với nội dung đã nhiều lần khiếu kiện về việc tranh chấp đất đai giữa thôn N2, xã N1, huyện C với thôn B1, xã B2 nhưng không được cấp có thẩm quyền giải quyết và kêu gọi người dân thôn N2 đi phá rừng để gây áp lực với chính quyền địa phương. Sau đó, Đặng Nguyên M1, Triệu Thị N, Triệu Thị L, Triệu Thị T3, Đặng Nho T4, Triệu Thị S, Đặng Thị L1, Đặng Nguyên D, Đặng Nho T5 cùng người dân thôn N2 có mặt tham gia đi bộ theo tuyến đường tỉnh lộ 256 rồi đi theo hướng từ xã Y đi xã Y của huyện C đến khu rừng trồng keo thuộc lô 21A, khoảnh 10, tiểu khu 433 của ông Ma Phúc K sinh năm 1960, thuộc thôn B1, xã B2, giáp ranh với thôn N2. Tại đây, Đặng Nguyên M1, Triệu Thị N, Triệu Thị L, Triệu Thị T3, Đặng Nho T4, Triệu Thị S, Đặng Thị L1, Đặng Nguyên D, Đặng Nho T5 cùng người dân thôn N2 dùng tay nhổ cây keo của gia đình ông K. Đến 10 giờ 30 phút cùng ngày, tổ công tác của Ủy ban nhân dân huyện C và chính quyền xã B2, huyện C đến tuyên truyền, vận động bà con không nhổ cây nhưng mọi người không dừng lại mà vẫn tiếp tục nhổ cây đến khoảng 11 giờ cùng ngày mới dừng lại, rồi cùng nhau đi về, để lại hiện trường các cây keo bị nhổ là 3.386 cây, trồng ngày 30/4/2019, trên diện tích 1,934 ha của gia đình ông K.

Quá trình điều tra, Đặng Nguyên M1 thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi của bản thân. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của những người liên quan và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Đặng Nguyên M1 là người có uy tín trong dân tộc thiểu số, được phê duyệt tại Quyết định số 2195/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh B. Ngày 27/12/2019 Ủy ban nhân dân tỉnh B đưa Đặng Nguyên M1 ra khỏi danh sách

người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh B giai đoạn 2019-2023 tại Quyết định số 2627/QĐ-UBND.

Đối với Triệu Thị N, trong quá trình điều tra không thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại kết luận định giá tài sản số 11 ngày 15/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh B kết luận: *“Tổng giá trị 3.386 cây keo đang còn sống trồng được 20 ngày tại thời điểm ngày 19/5/2019 và không có khả năng khôi phục là 37.246.000đ (Ba mươi bảy triệu, hai trăm bốn mươi sáu nghìn đồng)”*.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2020/HS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh B đã tuyên bố bị cáo Triệu Thị N phạm tội *“Hủy hoại tài sản”*.

Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm i khoản 1 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Triệu Thị N 06 (sáu) tháng 09 (chín) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam 31/12/2019. Áp dụng Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa nếu không bị tạm giam về tội phạm khác.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Đặng Nguyên M1, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020, bị cáo Triệu Thị N có đơn kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích, đánh giá tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có ý kiến thể hiện: Do không đồng ý việc giải quyết tranh chấp đất đai của các cấp có thẩm quyền giữa 2 thôn N2, xã N1, huyện C và thôn B1, xã B2, huyện C nên khoảng 7 giờ 30 phút ngày 19/5/2019 bị cáo Đặng Nguyên M1 đã lôi kéo nhiều người trong thôn N2 đến khu đất thuộc lô 21A, khoảnh 10, tiểu khu 433 thuộc thôn B1 để gây áp lực với chính quyền. Tại đây bị cáo M1 và N cùng một số người khác đã nhổ 3386 cây keo trị giá 37.246.000đồng của gia đình ông Ma Phúc K. Tại phiên tòa bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội, tuy nhiên căn cứ lời khai của những người làm chứng đủ cơ sở xác định Triệu Thị N là đồng phạm trong vụ án. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội Hủy hoại tài sản là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 355, 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Triệu Thị N, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày lời bào chữa có nội dung: Lời khai của người làm chứng là các ông Dương Văn T6, Ngô Văn T7, Lầu Văn Đ, Trần Tiến Đ2, Nguyễn Quang Đ3 là những người thực hiện nhiệm vụ trong các cơ quan chức năng của huyện C do đó lời khai không khách quan; Cơ quan tiến hành tố tụng của tỉnh B trong quá trình lấy lời khai đã không thực hiện việc ghi âm, ghi hình là vi

phạm quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, do đó tài liệu đã thu thập không thỏa mãn là nguồn chứng cứ; Bị cáo N không có mặt trong các video, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ dựa vào lời khai của những người làm chứng mà bản thân người làm chứng không mô tả được được hành vi của bị cáo N, không xác định được giá trị thiệt hại là bao nhiêu để buộc tội bị cáo N là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, c khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự, hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh B trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng:* Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về nội dung:*

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo Triệu Thị N không thừa nhận có hành vi nhổ cây keo của gia đình ông Ma Phúc K, bị cáo cho rằng sáng ngày 19/5/2019 cùng mọi người đến khu vực đồi keo của gia đình ông K nhưng bản thân không trực tiếp tham gia nhổ keo.

Những người làm chứng là Triệu Thị D1, Triệu Thị L1, Hoàng Thị N5, Triệu Thị V, Triệu Thị T8, Triệu Thị L, Đặng Nho T5 có đơn đề nghị làm chứng cho bị cáo Triệu Thị N thể hiện nội dung: vào ngày 19/5/2019 những người này có mặt tại bãi keo thuộc thôn B1, xã B2, huyện C, tỉnh B, sau đó chứng kiến Triệu Thị N không có hành vi dùng tay nhổ các cây keo và tự nguyện làm chứng cho Triệu Thị N.

Tuy nhiên tại cơ quan điều tra bà Triệu Thị D1 khai (BL 478): Đến quan sát mọi người nhổ keo từ khi bắt đầu đến khi kết thúc, quá trình quan sát không nhìn thấy bà N, không biết N đứng ở đâu nên cho rằng N không tham gia nhổ keo nay rút lại nội dung đã trình bày làm chứng.

Hoàng Thị N5, Triệu Thị V khai: Ngày 19/5/2019 khi các bà đến bãi keo của gia đình ông Ma Phúc K thuộc thôn B1, xã B2, huyện C, tỉnh B thì mọi người đã chuẩn bị ra về, việc nhổ keo diễn ra trước đó; Các ông bà Đặng Nho T5, Triệu Thị T8, Triệu Thị L, khai nhận: Ngày 19/5/2019, V, T8, T5 và L đến bãi keo của gia đình ông Ma Phúc K thuộc thôn B1, xã B2, huyện C, tỉnh B thấy mọi người đã nhổ được một nửa bãi keo, khi quan sát thì thấy Triệu Thị N có mặt tại khu vực bãi keo và không thấy N tham gia dùng tay nhổ các cây keo, nên cho rằng N không dùng tay nhổ các cây keo.

Bà Triệu Thị L1 khai (BL 465): Có tham gia biểu tình nhưng không tham gia nhổ keo, đứng quan sát và không biết N đứng ở đâu do đông người tham gia, lý do làm đơn khẳng định bị cáo N không tham gia nhổ keo là do chồng N bảo làm chứng. Do không thấy chị N ở đâu nên khẳng định chị N không nhổ cây. Sau đó thay đổi lời khai: Ngày 19/5/2019 L1 gặp N và nhiều người dân thôn N2 rồi cùng nhau đi đến bãi keo của gia đình ông Ma Phúc K thuộc thôn B1, xã B2, huyện C, tỉnh B. Khi đến bãi keo thì mọi người đã nhổ được một nửa, sau đó L1 và N đứng cùng nhau quan sát mọi người nhổ. Sau khi nhổ xong thì cùng nhau đi về, L1 không thấy N tham gia dùng tay nhổ cây keo. Tuy nhiên, L1 không xác định được thời gian, đặc điểm quần áo, phương tiện và những người khác có mặt gần N khi tham gia cùng đoàn và cũng không biết có những ai tham gia nhổ keo của gia đình ông K.

Tại phiên tòa hôm nay, một lần nữa những người làm chứng là Hoàng Thị N5, Triệu Thị V khẳng định khi đến bãi keo của gia đình ông K thì việc nhổ keo đã diễn ra trước đó; ông Đặng Nho T5, bà Triệu Thị T8, Triệu Thị L đều xác định ngày 19/5/2019 khi các ông bà đến bãi keo của gia đình ông K thấy mọi người đã nhổ gần hết bãi keo; Lời khai của cụ Triệu Thị K2 xác định N chở cụ ra bãi keo thì mọi người đã nhổ gần hết bãi keo. Như vậy lời khai của những người làm chứng xác định Triệu Thị N không nhổ cây keo là không khách quan, có mâu thuẫn. Bản thân những người làm chứng không biết N có mặt tại bãi keo từ thời điểm nào và những người này cũng không theo sát và quan sát N từ khi N có mặt tại bãi keo đến khi những người làm chứng có mặt. Tại thời điểm họ không quan sát thấy N thì không biết N có tham gia dùng tay nhổ cây keo của hộ gia đình ông Ma Phúc K hay không; nội dung đơn đề nghị làm chứng của một số người làm chứng được gia đình bị cáo N chuẩn bị sẵn theo mẫu để họ ký và xác nhận. Do đó không có căn cứ xác định bị cáo N không tham gia nhổ cây keo.

Căn cứ lời khai của những người làm chứng là các ông Dương Văn T6, Ngô Văn T7, Lầu Văn Đ, Trần Tiến Đ2, Nguyễn Quang Đ3 đều khẳng định các ông nhìn thấy các bị cáo Đặng Nguyên M1, Triệu Thị N và nhiều người khác dùng tay nhổ hết các cây keo mới trồng của gia đình ông Ma Phúc K; ông Nguyễn Quang Đ3 còn xác định nghe rõ tiếng Triệu Thị N nói to: Nhổ thì nhổ ai làm gì được; lời khai của bị cáo Đặng Nguyên M1 (BL 235) khẳng định: tất cả bà con N2 có mặt đều tham gia nhổ keo; căn cứ kết luận định giá tài sản đủ cơ sở kết luận: Tối ngày 18/5/2019, Đặng Nguyên M1 đã tổ chức họp thôn N2 và đến khoảng 07 giờ 30 phút sáng, ngày 19/5/2019 bị cáo đã tổ chức tập trung đoàn người của thôn N2, xã N1, huyện C mang theo nước uống đến địa điểm thôn B1, xã B2 nhổ cây keo mới trồng của gia đình ông Ma Phúc K nhằm gây sức ép cho chính quyền địa phương trong việc giải quyết tranh chấp về đất giữa hai thôn N2 và thôn B1. Tại đây, Đặng Nguyên M1, Triệu Thị N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng một số người khác đã nhổ 3.386 cây keo mới trồng được 20 ngày của gia đình ông

Ma Phúc K, giá trị bị thiệt hại qua định giá là 37.246.000đ (Ba mươi bảy triệu, hai trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

Bởi hành vi nêu trên, Triệu Thị N đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “*Hủy hoại tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự là có căn cứ, không oan.

Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo Triệu Thị N phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng” theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự để quyết định xử phạt bị cáo 06 tháng 09 ngày tù là phù hợp. Hội đồng xét xử đồng tình với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phúc thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Từ những lập luận trên không có căn cứ chấp nhận ý kiến đề nghị hủy bản án sơ thẩm của người bào chữa cho bị cáo.

[3] Về án phí: Bị cáo Triệu Thị N kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Triệu Thị N, giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2020/HS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm i khoản 1 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo Triệu Thị N 06 (sáu) tháng 09 (chín) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam ngày 31/12/2019. Bị cáo đã được trả tự do tại phiên tòa sơ thẩm.

2. Về án phí: Bị cáo Triệu Thị N phải chịu 200.000đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- Bị cáo (qua địa chỉ);
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hà